

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: **UBND Huyện Hóc Môn; Phòng GDĐT huyện Hóc Môn**
Tên cơ sở giáo dục : **Trường Mầm non 19/8**

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ dự kiến đạt được	Giảm SDDCN: <1% Giảm SDDCC: <1% Giảm DCBP: Mức thấp nhất (có thể)	Giảm SDDCN: <1% Giảm SDDCC: <1% Giảm DCBP: Mức thấp nhất (có thể)
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện.	Chương trình GDMN do Bộ GDĐT quy định	Chương trình GDMN do Bộ GDĐT quy định
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển.	Cháu ngoan: 35% Bé khỏe ngoan: 85% Chuyên cần: 85%	Cháu ngoan: 35% Bé khỏe ngoan: 85% Chuyên cần: 95%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN	Cơ sở vật chất đầy đủ đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ	Cơ sở vật chất đầy đủ đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ

Hóc Môn, ngày 05 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Diễm

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: **UBND Huyện Hóc Môn; Phòng GDDT huyện Hóc Môn**
Tên cơ sở giáo dục : **Trường Mầm non 19/8.**

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2020-2021

Đơn vị tính: trẻ em

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng	13-24 tháng	25-36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	621	4	24	55	149	163	226
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	621	4	24	55	149	163	226
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	621	4	24	55	149	163	226
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	621	4	24	55	149	163	226
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	621	4	24	55	149	163	226
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	621	4	24	53	142	150	181
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	02	00	00	00	00	00	02
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	621	4	24	55	149	163	226
4	Phân loại khác (thấp còi)	04	0	00	01	00	00	03
5	Số trẻ em béo phì	67	0	00	02	07	13	45
	Số trẻ em suy dinh dưỡng (Mãn)	00	00	00	00	00	00	00
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	621	4	24	55	149	163	226
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	538				149	163	226

Hóc môn, ngày 05 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Diễm

Biểu mẫu 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: **UBND Huyện Hóc Môn; Phòng GDĐT huyện Hóc Môn**
Tên cơ sở giáo dục : **Trường Mầm non 19/8**

THÔNG BÁO**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020-2021**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	20	1.9 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20	1.9 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	6227	11 m ² /1 trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	3104	5.06 m ² /1 trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1900	1.88m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	1900	1.88m ² /trẻ em
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	300	0.48 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	895	0.23m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	73,5	0.12m ² /trẻ em
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	73.5	0.12m ² /trẻ em
7	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	184	0.11m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	18	
1	Nhà trẻ	4	
2	Mầm	4	
3	Chồi	4	
4	Lá	6	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	20	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	19	(25 máy vi tính, 01 máy chiếu)
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	18	1 cái/ lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	5	Dùng chung phòng âm nhạc

3	Máy phô tô	2	Dùng văn phòng
5	Catsset	20	1 cái/ lớp
6	Đầu Video/đầu đĩa	18	1 cái/ lớp
7	Thiết bị khác	02	Máy chiếu, máy canr
8	Đồ chơi ngoài trời	50	Dùng chung
9	Bàn ghế đúng quy cách	300	Mỗi lớp 20/ bộ
10	Thiết bị khác...	10	Máy in

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	27		25	0	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	
..	...		

Học môn, ngày 05 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Ngọc Diễm

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: **UBND Huyện Hóc Môn; Phòng GDDT huyện Hóc Môn**
Tên cơ sở giáo dục : **Mầm non 19/8.**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020-2021**

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước NĐ 116 và tuyển dụng theo NĐ 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo NĐ 68)	T S	Th S	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	55	49	7			26	12	05	13	
I	Giáo viên	37	37	0			23	12	2		
II	Cán bộ quản lý	02	02				02				
1	Hiệu trưởng	01	01				01				
2	Phó hiệu trưởng	01	01				01				
III	Nhân viên	17	10	7			01		03	13	
1	Nhân viên văn thư	01		01					01		
2	Nhân viên kế toán	01	01				01				
3	Thủ quỹ	01	01						01		
4	Nhân viên y tế	01	01						01		
5	Nhân viên thư viện										
6	Nhân viên khác (bảo vệ, phục vụ, cấp dưỡng, bảo mẫu)	13	7	6						13	
		55	49	7			26	12	05	13	

Hóc Môn, ngày 05 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Diễm